ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 963 /QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 15 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/2000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; văn bản số 747/TTg-CN ngày 18/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Nam Định;

Căn cứ văn bản số 8622/BKHĐT-QLKKT ngày 29/11/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; văn bản số 5828/BXD-QHKT ngày 22/12/2022 của Bộ Xây dựng về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên (tỷ lệ 1/2.000);

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh Nam Định về việc thông qua đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/2000);

Căn cứ văn bản số 784/UBND-VP5 ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc chủ trương nghiên cứu, khảo sát dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Trung Thành, huyện Ý Yên; Văn bản số 953/UBND-VP5 ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc tài trợ kinh phí lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nam Định ngày 21/4/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/2000);

Xét văn bản số 06/SXD-QH ngày 08/02/2023 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/2.000);

Theo đề nghị của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định tại Tờ trình số 540/TTr-BQLCKCN ngày 12/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/2000), với nội dung sau:

I. DANH MỤC BẢN VẼ

1 - Sơ đồ vị trí, giới hạn khu đất (QH - 01).

2 - Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng (QH - 02).

3 - Bản đồ đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường (QH - 03).

4 - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH - 04).

5 - Bản đồ quy hoạch chia lô (QH - 05).

6 - Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (QH-06).

7 - Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật (QH - 07).

8 - Bản đồ quy hoạch giao thông (QH - 08).

9 - Bản đồ quy hoạch san nền xây dựng (QH - 09).

10 - Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa (QH - 10).

11 - Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH - 11).

12 - Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và quản lý chất thải rắn (QH - 12)

13 - Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng giao thông (QH - 13).

14 - Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc (QH-14).

15 - Bản đồ quy hoạch tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật (QH-15).

16 - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược (QH-16).

17 - Bản vẽ định hướng trục chính, khu trung tâm, không gian mở và công trình điểm nhấn (QH-17A).

18 - Bản vẽ kiểm soát kiến trúc, cảnh quan - tầng cao, khoảng lùi, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất (QH-17B).

II. VỊ TRÍ, RANH GIỚI VÀ QUY MÔ LẬP VÀ TÍNH CHẤT

1. Phạm vi ranh giới

Thuộc địa phận xã Yên Trung và xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ranh giới khu vực nghiên cứu lập quy hoạch được xác định như sau như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất nông nghiệp thuộc xã Thanh Tâm, Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Phía Nam: Giáp đường Thành Xá và cánh đồng, khu dân cư xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Phía Đông: Giáp cánh đồng và khu dân cư thôn Nhuộng xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Phía Tây: Giáp cánh đồng và khu dân cư xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam và giáp thôn Bô Sơn, xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

2. Mục tiêu

Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp (KCN) Trung Thành theo định hướng phát triển Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt tại Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Nam Định.

Hình thành một Khu công nghiệp đa ngành, văn minh hiện đại, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận các cơ sở sản xuất công nghiệp, xí nghiệp, nhà máy và dịch vụ công nghiệp thân thiện với môi trường; kiến tạo môi trường làm việc an toàn, thuận lợi, cung cấp việc làm cho dân cư tại địa phương cũng như khu vực lân cận.

Xác định tính chất, quy mô các KCN, đồng thời quy hoạch mặt bằng, tạo điều kiện kêu gọi Nhà đầu tư, xây dựng và sử dụng hợp lý, mang lại hiệu quả kinh tế cho dự án, đóng góp ngân sách địa phương.

3. Quy mô

Quy mô diện tích lập quy hoạch: 200ha.

Quy mô lao động: Trên cơ sở dự kiến các ngành nghề công nghiệp theo cơ cấu quy hoạch, dự kiến quy mô lao động trong phạm vi lập quy hoạch khoảng 21.600 người.

4. Tính chất

Là khu công nghiệp hỗ trợ đa ngành, có công nghệ sản xuất tiên tiến và thân thiện với môi trường.

Không thu hút các ngành dệt may, dệt nhuộm, da giày và các dự án sản xuất đồ chơi sử dụng nhiều lao động, dự án gây ô nhiễm môi trường.

III. CÁC CHỈ CƠ BẢN VỀ ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Chỉ tiêu về đất đai

Các khu kỹ thuật: > 1%; Giao thông: > 10%; Cây xanh: > 10%.

Cụ thể:

- Đất Trung tâm điều hành, thương mại dịch vụ: Mật độ xây dựng: 40%; Chiều cao tối đa xây dựng công trình: 5 tầng hoặc 20m**;** Hệ số sử dụng đất: 2,0 lần

- Đất công nghiệp: Mật độ xây dựng tối đa: 70%; Chiều cao tối đa xây dựng công trình: 5 tầng hoặc 25m; Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,5 lần

- Đất hạ tầng kỹ thuật: Mật độ xây dựng: 40%; Chiều cao tối đa xây dựng công trình: 2 tầng hoặc 8m; Hệ số sử dụng đất: 0,8 lần.

2. Hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước: Công nghiệp: 40 m^3/ha; Công cộng, dịch vụ: 10% Qsx; Nước rửa đường: 0,5 l/m^2

- Cấp điện: Công nghiệp: 500kw/ha; Công cộng, dịch vụ: 30w/m^2 sàn; Khu hạ tầng kỹ thuật: 150Kw/ha; Chiếu sáng giao thông: 1,2/m^2 đất

- Thoát nước thải: Dựa theo tiêu chuẩn cấp nước, cụ thể: Công nghiệp (Qsx): 35m^3/ha; Công cộng, dịch vụ: 10%Qsx (100% tiêu chuẩn cấp nước)

IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Quy hoạch sử dụng đất

KCN bố trí các khu chức năng với các đường nội bộ liên kết với nhau theo mô hình "xương cá" với trục xương sống là trục chính của khu công nghiệp, đảm bảo sự linh hoạt trong vận hành, hành lang an toàn theo quy định, tạo độ an toàn cao cho mạng lưới hạ tầng nhờ vào việc kết nối đường dây đường ống theo mạch vòng.

Bảng tổng hợp cấu quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp	1.340.417	67,02
2	Đất Trung tâm điều hành, thương mại dịch vụ	40.071	2,00
3	Đất cây xanh, mặt nước	295.323	14,77
	Đất cây xanh	210.618	10,53
	Mặt nước	84.705	4,24
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	66.524	3,33
5	Đất giao thông	257.666	12,88
	Đất giao thông nội bộ	241.428	12,07
	Bãi đỗ xe tập trung	16.238	0,81
Diện tích Khu công nghiệp		**2.000.001**	**100**

2. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan

Được tổ chức trên cơ sở trục không gian chủ đạo là trục Bắc Nam, tạo bởi tuyến đường trục chính. Từ đó mở ra các khoảng không gian mở theo trục Đông Tây. Bố cục không gian kiến trúc hợp lý, hạn chế giao thông không cần thiết.

Đảm bảo sự kết nối về hạ tầng và cảnh quan đối với các khu vực xung quanh như giao thông, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường. Các điểm tập trung rác thải có biện pháp cách ly bằng cây xanh, hàng rào nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tới khu vực lân cận.

Đảm bảo tính kết nối liên tục của hệ thống cây xanh cảnh quan trong khu công nghiệp và gắn kết được với không gian xanh xung quanh.

Đường nét hình khối công trình kiến trúc hiện đại đơn giản, tránh sử dụng các chi tiết cầu kì, rườm rà. Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường phù hợp với điều kiện khí hậu và điều kiện thiên nhiên của khu vực nhưng vẫn mang những nét hiện đại, mới mẻ, thu hút các doanh nghiệp đầu tư.

2.1. Trục không gian xây dựng các nhà máy công nghiệp

Là trục chính vào khu công nghiệp, hệ thống các công trình dọc tuyến tạo nên bộ mặt của khu công nghiệp hiện đại. Dải cây xanh ven đường cùng tuyến kênh tưới nằm giữa dải phân cách hình thành trục cảnh quan chính cho KCN.

2.2. Khu trung tâm điều hành, thương mại dịch vụ

Mặt tiền khu trung tâm được bố trí tại các khu vực cửa ngõ của Khu công nghiệp với hình thức kiến trúc hiện đại tạo điểm nhấn cho KCN.

Tổ hợp các khối nhà dịch vụ cao 5 tầng là công trình điểm nhấn là với kiến trúc hiện đại, thống nhất, tạo ấn tượng về không gian cho người lao động trong KCN.

2.3. Các điểm, khu vực không gian trọng yếu

Khu cửa ngõ: Là nơi diễn ra các hoạt động điều hành sản xuất, dịch vụ, giải trí,… cho toàn khu công nghiệp.

Bố trí các cửa ngõ chính ra tuyến đường ĐT495B ở phía Bắc và ra đường gom của đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình ở phía Đông. Bố trí cổng chào và công trình điểm nhấn tạo hình ảnh hấp dẫn cho khu công nghiệp.

3. Quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật

3.1. Quy hoạch giao thông

3.1.1. Đường giao thông đối ngoại

Đường tỉnh ĐT495B nằm giáp ranh giới phía Bắc mang tính chất kết nối giao thông và là tuyến giao thông quan trọng trong việc phát triển của khu công nghiệp.

Hệ thống mạng lưới giao thông xương sống chính, là những trục đường nối các hệ thống công trình công cộng, kết nối các không gian chính trong khu công nghiệp cùng các tuyến đường nội bộ hình thành hệ thống mạng lưới ô cờ kết hợp mạng vòng, phân tách rõ không gian trong khu công nghiệp và thuận tiện kết nối giao thông.

3.1.2. Đường nội bộ khu công nghiệp:

Xây dựng các trục đường giao thông hoàn thiện nền, mặt đường, vỉa hè, cây xanh với các mặt cắt như sau:

- Đường D1 (mặt cắt 1-1): Chỉ giới rộng 56m; Bề rộng lòng đường mỗi bên 10,5m; Bề rộng hè mỗi bên 6,0m; Phân cách giữa là tuyến kênh tiêu nước cho dự án và hành lang bảo vệ kênh, bề rộng là 23,0m.

- Đường N3 (mặt cắt 2-2): Chỉ giới rộng 50m; Bề rộng lòng đường mỗi bên 7,5m; Bề rộng hè mỗi bên 6,0m; Phân cách giữa là tuyến kênh tiêu nước cho dự án và hành lang bảo vệ kênh, bề rộng là 23,0m.

- Đường N1, N2, N4 và D2, D3, D4, D5 (mặt cắt 3-3): Chỉ giới rộng 22,5m; Bề rộng lòng đường 10,5 m; Bề rộng hè mỗi bên 6,0m.

- Đường N5 (mặt cắt 4-4): Chỉ giới rộng 19,5m; Bề rộng lòng đường 10,5 m; Bề rộng vỉa hè trái 6,0m vỉa hè phải 3,0m.

- Đường D6 (mặt cắt 5-5): Chỉ giới rộng 16,5m; Bề rộng lòng đường 7,5 m; Bề rộng vỉa hè trái 3,0m vỉa hè phải 6,0m.

- Đường gom cao tốc Bắc - Nam (mặt cắt 6-6): Chỉ giới rộng 17m; Bề rộng lòng đường mỗi bên 7,0 m; Lề đường mỗi bên 0,5m. Phân cách giữa rộng 2,00m.

Chỉ giới xây dựng được xác định bằng 3m từ chỉ giới đường đỏ vào trong lô đất tại các lô đất dành cho xây dựng nhà xưởng, hạ tầng, hành chính dịch vụ,…

Dải cây xanh cách ly xung quanh KCN đảm bảo ≥ 10m.

3.1.3. Bãi đỗ xe

Các công trình công cộng, dịch vụ, nhà máy,... phải đảm bảo nhu cầu đỗ xe của bản thân công trình theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

3.2. San nền

Tiến hành tôn nền khu đất xây dựng đến cao độ xây dựng tối thiểu là 2,70m, cao độ trung bình toàn khu là 3,00m.

Cao độ nút các nút giao thông nội bộ được xác định dựa trên cao độ tuyến đường ĐT495B và cao độ khu dân cư hiện hữu đảm bảo khớp nối với các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng KCN.

Trong từng ô đất giới hạn bởi các đường giao thông, hướng san nền dốc ra các tuyến đường giao thông, tạo độ dốc trung bình i= 0,002 đảm bảo khả năng thoát nước nhanh chóng. San nền đảm bảo thoát nước tự chảy, hạn chế tối đa chiều cao đất đắp.

Giải pháp san nền yêu cầu đảm bảo không ảnh hưởng đến tiêu thoát nước khu vực hiện hữu lân cận.

3.3. Thoát nước mưa

Toàn bộ khu vực nghiên cứu thoát nước mưa cho KCN Trung Thành với diện tích khoảng 300ha, bao gồm: Diện tích đất khu công nghiệp, xóm Sở phía Tây Bắc và thôn Nhuộng phía Đông khu công nghiệp.

Nước mưa được thoát về kênh Kinh Thủy ở phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình. Một phần diện tích lưu vực xóm Sở sẽ tiêu thoát về kênh tiêu phía Nam ĐT495.

Thiết kế hai tuyến kênh hở chính. (1) tuyến kênh hoàn trả theo hướng Đông Tây và (2) tuyến kênh theo hướng Bắc Nam của dự án. Hai tuyến kênh này được quy hoạch nằm giữa các tuyến đường trục chính KCN, phân chia toàn bộ khu vực nghiên cứu thoát nước, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp nhận các cống thoát nước dọc theo tuyến đường trong KCN đổ vào, dễ dàng kết nối với tuyến kênh trong KCN và tuyến mương bao xung quanh KCN.

Tổng diện tích hồ điều hòa với diện tích khoảng 3,0ha cùng với các kênh mương có mặt cắt hình thang, phần mái phía trên kênh được thiết kế kết hợp với phần đất trồng cỏ, xuôi thấp dần ở hai bên bờ kênh tạo nên không gian cho dung tích trữ nước điều hòa khi mưa lớn. Nước mưa sau khi được thu gom một phần sẽ dự trữ trong kênh mương, một phần sẽ tiêu thoát về mương hiện trạng phía Đông (KT20) và kênh Hoàng Hoa Thám phía Tây Nam dự án.

Thiết kế đấu nối hệ thống xả thải (cả nước mưa và nước thải công nghiệp) ra kênh Hoàng Hoa Thám và kênh KT20 cần có hệ thống cửa phải điều tiết, để điều tiết mực nước khi cần thiết, phù hợp với việc quản lý hệ thống công trình thủy lợi.

3.4. Cấp nước

Nguồn cấp nước cho KCN do Công ty Cổ phần cấp nước Nam Định cung cấp để đáp ứng cho nhu cầu sử dụng. Điểm đấu nối cấp nước được đặt tại hàng rào của KCN.

Nhu cầu dùng nước trong khu quy hoạch bao gồm: nước sản xuất, nước sinh hoạt, nước tưới cây rửa đường, nước chữa cháy và dự phòng rò rỉ.

Lưu lượng Q= 10.800 (m^3/ngđ) cần thiết cho ngày dùng nước lớn nhất có cháy cho toàn bộ quy mô KCN.

Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo lưu lượng và áp lực đến các khu chức năng trong toàn khu quy hoạch.

Các trụ lấy nước cứu hoả trên các tuyến đường được thiết kế lấy nước từ mạng cấp nước sản xuất và cấp nước sinh hoạt chung cho cả Khu công nghiệp. Trên các trục đường sẽ đặt các trụ cứu hỏa với khoảng cách giữa các trục cứu hỏa từ 120m đến 150m (QCVN 06:2021/BXD). Các họng cứu hoả được bố trí nổi ở các vị trí sao cho xe cứu hỏa có thể tiếp cận lấy nước dễ dàng khi có cháy xảy ra (Bố trí không quá 5 họng cứu hỏa trên một đoạn ống; Các đoạn ống cụt, thiết kế không dài quá 200m; Áp lực nước tối thiểu tại mỗi họng là 10m cột nước).

3.5. Cấp điện

Quy hoạch trạm biến áp 110kV, đặt ở lô HTKT-01 ở phía Bắc của KCN.

Nguồn cấp cho KCN Trung Thành sẽ được cấp nguồn từ TBA 110kV tại KCN Trung Thành, TBA 110kV Yên Thành.

Xây dựng các tuyến cáp đi nổi trên hệ thống lưới cột BTCT, đấu nối từ trạm biến áp 110/35(22)KV trong khu đất hạ tầng phía Bắc cấp điện tới các trạm biến áp 35/22/0,4KV trong khu vực.

Mạng lưới chiếu sáng của khu công nghiệp được bố trí đi ngầm, riêng rẽ với đường dây 0,4KV và 35/22KV. Nguồn cấp điện chiếu sáng lấy từ các trạm hạ áp chiếu sáng đặt trong khu vực.

3.6. Thoát nước thải và Quản lý chất thải rắn

3.6.1. Thoát nước thải

Chỉ tiêu thoát nước thải sản xuất lấy bằng 35m^3/ha/ngày đêm. Lưu lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp. Công suất Trạm xử lý nước thải Q_{max}=8.000 (m^3/ngđ).

Nước thải từ các nhà xưởng, nhà điều hành trong KCN được thu gom từ các nhà xưởng theo các tuyến cống chính (đã đạt tiêu chuẩn cột B trong QCVN40:2011/BTNMT), tập trung về Trạm xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, tận dụng tối đa độ dốc địa hình để thoát nước tự chảy và tránh sử dụng trạm bơm.

Thiết kế các đường cống dẫn nước thải ở trên vỉa hè để thuận tiện cho việc thu gom từ khu nhà xưởng thoát ra. Dùng ống cống D300, D400, D500, bố trí các ga thu thăm tại những vị trí có cống thoát nước thải từ các nhà xưởng thoát ra. Hướng nước đi là ngắn nhất, lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về trạm xử lý.

Nước thải sau xử lý được kiểm soát theo tiêu chuẩn cột A trong QCVN40:2011/BTNMT. Nếu không đạt yêu cầu dẫn vào hồ xả sự cố, khắc phục trạm xử lý nước thải. Sau đó nước thải từ hồ xả sự cố dẫn được dẫn về trạm xử lý tiếp. Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của KCN sẽ được thoát vào mương hiện trạng KT20.

3.6.2. Quản lý chất thải rắn (CTR)

Triệt để thu gom chất thải rắn phát sinh trong khu vực dự án, tối thiểu hoá sự phát sinh CTR, các phần tử độc hại trong CTR.

Phân loại CTR từ đầu nguồn. Hệ thống thùng chứa được bố trí thuận lợi cho việc sử dụng và thu gom. Các doanh nghiệp thứ cấp bố trí chỗ để CTR đảm bảo các yêu cầu về môi trường và cảnh quan Khu công nghiệp. Giảm ô nhiễm trong quá trình thu gom và xử lý CTR.

4. Đánh giá môi trường chiến lược

Giải pháp bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với nước mưa. Nước thải được thu gom, xử lý triệt để từ các công trình đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường được cơ quan có thẩm quyền cho phép mới được thoát vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Xây dựng hệ thống cây xanh, trồng các dải cây xanh, thảm cỏ dọc theo tuyến đường giao thông. Bố trí trồng cây xanh tập trung để tạo môi trường cảnh quan.

- Bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp.

- Rác thải hàng ngày trong khu công nghiệp được thu gom và vận chuyển theo quy định.

5. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Trung Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/2000)" kèm theo đồ án này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp:

- Chịu trách nhiệm đảm bảo tính chính xác thông tin, số liệu báo cáo, chỉ tiêu quy hoạch tuân thủ các Tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định pháp luật hiện hành.

- Công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND huyện Ý Yên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng